

Số: 110/BKHCN-CNS&CĐS

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2026

V/v đề xuất Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có
rủi ro cao

Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KHCN) đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao. Nhằm mục đích xây dựng danh mục, Bộ KHCN trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Trí tuệ nhân tạo (cụ thể Điều 9, Điều 14) để đề xuất ***Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao và Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo phải chứng nhận sự phù hợp trước khi đưa vào sử dụng*** (theo Biểu mẫu 01 và Biểu mẫu 02 tại Phụ lục I đính kèm công văn này). Để đề xuất được sát với văn bản quy phạm pháp luật cấp cao hơn sẽ được ban hành trước là Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo, Bộ KHCN đề nghị Quý cơ quan, đơn vị nghiên cứu thêm Điều 7, Điều 8 của Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo (trích gửi tại Phụ lục II kèm theo công văn này) trong quá trình đề xuất. Văn bản đề xuất các hệ thống cho 02 Danh mục xin gửi về Bộ KHCN trước 17h00, ngày 06/03/2026 theo địa chỉ:

*Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số Quốc gia,
Tầng 6 - Số 115 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.*

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Ông Đặng Chiến Công, số điện thoại: 0915979474, địa chỉ thư điện tử: dccong@mst.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, CNS&CĐS (14).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Phạm Đức Long

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Công văn số /BKHCN-CNS&CĐS ngày tháng năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu mẫu 01

DANH MỤC HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CÓ RỦI RO CAO

STT	Lĩnh vực	Tên hệ thống được xác định theo công dụng hoặc mục đích sử dụng	Phạm vi và điều kiện xác định hệ thống thuộc Danh mục
(1)	(2)	(3)	(4)

Ví dụ để các cơ quan đơn vị nghiên cứu:

Ví dụ 1:

- Cột (2): Y tế và Chăm sóc sức khỏe
- Cột (3): Hệ thống hỗ trợ đưa ra phác đồ điều trị hoặc quyết định chỉ định can thiệp y tế xâm lấn trên cơ thể người bệnh.
- Cột (4): Chỉ áp dụng khi hệ thống trực tiếp ra quyết định hoặc thực thi mà không qua khâu xem xét, phê duyệt độc lập của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Ví dụ 2:

- Cột (1): Giáo dục và Đào tạo
- Cột (2): Hệ thống tự động chấm điểm và xếp hạng hồ sơ của người học.
- Cột (3): Chỉ áp dụng đối với các quyết định mang tính quyết định trực tiếp đến kết quả các kỳ thi, cuộc tuyển sinh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức (bao gồm tuyển sinh đại học, cao đẳng, thi tốt nghiệp THPT, thi công chức hoặc các kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề quốc gia).

Ví dụ 3:

- Cột (1): Lao động và Việc làm
- Cột (2): Hệ thống tự động phân tích hồ sơ, đánh giá hành vi và đưa ra quyết định loại bỏ ứng viên tuyển dụng hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.
- Cột (3): Chỉ áp dụng khi hệ thống tự động ra quyết định cuối cùng làm mất cơ hội việc làm của cá nhân hoặc chấm dứt quan hệ lao động mà không có sự phê duyệt lại của bộ phận nhân sự.

Ví dụ 4:

- Cột (1): Tài chính - Ngân hàng
- Cột (2): Hệ thống tự động chấm điểm tín dụng và trực tiếp ra quyết định phê duyệt hoặc từ chối cấp tín dụng cho vay đối với cá nhân, tổ chức.
- Cột (3): Chỉ áp dụng khi hệ thống tự động đưa ra quyết định cuối cùng về việc cấp tín dụng mà không có sự xem xét, phê duyệt của cán bộ tín dụng.

Ví dụ 5:

- Cột (1): Tài chính - Ngân hàng
- Cột (2): Hệ thống tự động ra quyết định phong tỏa, khóa tài khoản hoặc ngăn chặn giao dịch chuyển khoản do nghi ngờ gian lận.

- Cột (3): Chỉ áp dụng khi hệ thống tự động thực thi lệnh khóa/phong tỏa làm gián đoạn quyền sử dụng tài sản của khách hàng mà không có sự xác minh của nhân viên ngân hàng.

Ví dụ 6:

- Cột (1): Giao thông vận tải
- Cột (2): Hệ thống điều khiển tự hành cấp độ cao trên các phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, hàng hải, hàng không.
- Cột (3): Chỉ áp dụng đối với các hệ thống tự hành vận hành ở cấp độ 3, 4, 5 theo tiêu chuẩn SAE J3016 hoặc tiêu chuẩn tương đương, không yêu cầu sự can thiệp và kiểm soát liên tục của người điều khiển phương tiện trên thực tế.

Ví dụ 7:

- Cột (1): Hạ tầng kỹ thuật trọng yếu
- Cột (2): Hệ thống tự động ra lệnh điều khiển, đóng ngắt hoặc phân bổ nguồn lực thuộc hệ thống điều độ điện quốc gia hoặc cung cấp nước sạch cấp tỉnh.
- Cột (3): Chỉ áp dụng đối với các hệ thống có quyền truy cập và can thiệp trực tiếp vào lưới điều khiển vật lý (hệ thống SCADA/ICS) của hạ tầng.

Ví dụ 8:

- Cột (1): An ninh, Trật tự và Thực thi pháp luật
- Cột (2): Hệ thống nhận diện sinh trắc học tự động theo thời gian thực tại không gian công cộng.
- Cột (3): Chỉ áp dụng cho mục đích giám sát, thực thi pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Biểu mẫu 02

DANH MỤC CÁC HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CÓ RỦI RO CAO PHẢI CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

STT	Lĩnh vực	Tên hệ thống được xác định theo công dụng hoặc mục đích sử dụng	Phạm vi và điều kiện xác định hệ thống thuộc Danh mục
(1)	(2)	(3)	(4)

Ví dụ để các cơ quan đơn vị nghiên cứu:

Ví dụ 1:

- Cột (2): Y tế và Chăm sóc sức khỏe
- Cột (3): Hệ thống hỗ trợ đưa ra phác đồ điều trị hoặc quyết định chỉ định can thiệp y tế xâm lấn trên cơ thể người bệnh.
- Cột (4): Chỉ áp dụng khi hệ thống trực tiếp ra quyết định hoặc thực thi mà không qua khâu xem xét, phê duyệt độc lập của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Công văn số /BKHCN-CNS&CDS ngày tháng năm 2026 của
Bộ Khoa học và Công nghệ)

Trích quy định dự kiến về hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao của Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo

Điều 7. Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao

1. Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Trí tuệ nhân tạo bao gồm:

a) Các hệ thống trí tuệ nhân tạo được xác định là có rủi ro cao, không bao gồm các trường hợp hệ thống trí tuệ nhân tạo được loại trừ tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định này;

b) Các hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao bắt buộc chứng nhận sự phù hợp trước khi đưa vào sử dụng.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở tiêu chí, nguyên tắc quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo thuộc lĩnh vực quản lý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 8. Tiêu chí và nguyên tắc xây dựng Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan đánh giá, đề xuất hệ thống trí tuệ nhân tạo đưa vào Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao căn cứ các tiêu chí sau đây:

a) Mức độ tác động: Khả năng hệ thống ra quyết định, thực thi hành động một cách tự chủ hoặc hỗ trợ ra quyết định, có thể dẫn đến thiệt hại đáng kể đối với tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền con người hoặc an ninh quốc gia, bao gồm thiệt hại khó khắc phục hoặc không thể khắc phục;

b) Lĩnh vực sử dụng: Triển khai trong lĩnh vực thiết yếu quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Trí tuệ nhân tạo, bao gồm y tế, giáo dục, tuyển dụng và việc làm, tài chính - ngân hàng, giao thông vận tải, năng lượng, tư pháp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trọng yếu hoặc trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công;

c) Phạm vi ảnh hưởng: Quy mô người sử dụng, đối tượng chịu tác động hoặc mức độ kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật quan trọng.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp không áp dụng chế độ quản lý đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao trong Quyết định ban hành Danh mục quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Trí tuệ nhân tạo khi hệ thống đáp ứng một trong các nguyên tắc sau đây:

a) Chỉ thực hiện các tác vụ thu thập, xử lý, chuẩn hóa, phân loại, dịch thuật hoặc cải thiện chất lượng dữ liệu; không trực tiếp tạo lập quyết định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Có cơ chế kỹ thuật và quy trình vận hành bảo đảm con người có thẩm quyền xem xét độc lập, can thiệp, từ chối hoặc ghi đề quyết định của hệ thống trước khi quyết định đó có hiệu lực;

c) Chỉ sử dụng phục vụ hoạt động quản trị, vận hành nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp; không trực tiếp tác động đến quyền, nghĩa vụ pháp lý hoặc lợi ích hợp pháp của cá nhân bên ngoài tổ chức;

d) Đang trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển trong môi trường có kiểm soát; chưa cung cấp ra thị trường hoặc chưa đưa vào sử dụng chính thức;

đ) Chỉ thực hiện chức năng phân tích, dự báo, đánh giá, khuyến nghị mang tính tham khảo; nhà cung cấp và bên triển khai không được sử dụng kết quả đầu ra làm căn cứ duy nhất để ra quyết định cuối cùng;

3. Trường hợp hệ thống trí tuệ nhân tạo đáp ứng nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này nhưng có căn cứ xác thực cho thấy nguy cơ thực tế gây thiệt hại nghiêm trọng đến quốc phòng, an ninh hoặc trật tự, an toàn xã hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng chế độ quản lý đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao và nêu rõ căn cứ trong Quyết định ban hành Danh mục.